

Đương Sô: Xemtuong - Dương Nam  
 Cung mệnh: **Át Mùi** - Thai Nguyên: **Đinh Hợi**  
 Thân Vượng: **Thủy 35/50**  
 Dụng Thần: **Mộc**

XemTuong.net  
 lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 2006			Trụ Tháng 08			Trụ Ngày 11			Trụ Giờ 4:01		
T.Tài <b>BÍNH</b>	<b>TUẤT</b>	Bệnh	T.Tài <b>BÍNH</b>	<b>THÂN</b>	Bệnh	Thân <b>NHÂM</b>	Kiêu	T.Sinh	Tỷ <b>NHÂM</b>	<b>DÀN</b>	T.Sinh
Mậu	Đinh	Mộ	Canh	Mậu	Bệnh	NHÂM	THÂN	T.Sinh	Giáp	Bính	Bệnh
Sát	Tài	Tân	Kiêu	Sát	Nhâm	Canh	Mậu	Nhâm	Thực	T.Tài	Mậu
Bệnh	M.Dục	Án	L.Quan	Bệnh	Tỷ	Kiêu	Sát	Tỷ	Tuyệt	Bệnh	Sát
<b>Quan Đới</b>			<b>Trường Sinh</b>			<b>Trường Sinh</b>			<b>Bệnh</b>		
Hoa Cái Giáp Lộc			Không Vọng			Văn Xương			Nguyệt Đức QN		
			Dịch Mã			Thập Ác ĐB			Văn Xương		
			Học Đường			Dịch Mã			Đức Quý Nhân		
<b>Đại Vận 0</b> (0 - 7 tuổi)			<b>Đại Vận 1</b> (8 - 17 tuổi)			<b>Đại Vận 2</b> (18 - 27 tuổi)			<b>Đại Vận 3</b> (28 - 37 tuổi)		
T.Tài <b>BÍNH</b>	<b>THÂN</b>	Bệnh	Tài <b>ĐINH</b>	<b>DẬU</b>	T.Sinh	Sát <b>MẬU</b>	<b>TUẤT</b>	Mộ	Quan <b>KỶ</b>	<b>HỢI</b>	Thai
Canh	Mậu	Nhâm	ĐINH	Tân		Mậu Mẫu	Đinh	Tân	Giáp	Nhâm	
Kiêu	Sát	Tỷ		Án		Sát Tài	Án	Án	Thực	Tỷ	
L.Quan	Bệnh	T.Sinh		L.Quan		Mộ Dưỡng	Dưỡng	Q.Đói	T.Sinh	L.Quan	
<b>Đại Vận 4</b> (38 - 47 tuổi)			<b>Đại Vận 5</b> (48 - 57 tuổi)			<b>Đại Vận 6</b> (58 - 67 tuổi)			<b>Đại Vận 7</b> (68 - 77 tuổi)		
Kiêu <b>CANH</b>	<b>TÝ</b>	Tử	Án <b>TÂN</b>	<b>SƯU</b>	Dưỡng	Tỷ <b>NHÂM</b>	<b>DÀN</b>	Bệnh	Kiếp <b>QUÝ</b>	<b>MÃO</b>	T.Sinh
Quý	Kiếp	L.Quan	Ký Quan	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mẫu	Thương	Át	
Quyết	L.Quan	Mộ	Án Mộ	Án	Kiếp	Thực	T.Tài	Sát	L.Quan		
<b>Đại Vận 8</b> (78 - 87 tuổi)			<b>Đại Vận 9</b> (88 - 97 tuổi)			<b>Đại Vận 10</b> (98 - 107 tuổi)			<b>Đại Vận 11</b> (108 - 117 tuổi)		
Thực <b>GIÁP</b>	<b>THÌN</b>	Suy	Thương <b>ẤT</b>	<b>TỴ</b>	M.Dục	T.Tài <b>BÍNH</b>	<b>NGỌ</b>	Đ.Vượng	Tài <b>ĐINH</b>	<b>MÙI</b>	Q.Đói
Mậu	Át	Quý	Bính	Mậu	Canh	Đinh Tài	Ký Quan		Ký Quan	Át	Đinh
Sát	Thương	Kiếp	T.Tài	Sát	Kiêu	L.Quan L.Quan	L.Quan	T.Sinh	Thương	Tài	
Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh				Q.Đói	Dưỡng	Q.Đói

T.Tài <b>BÍNH</b>	2006	1 tuổi	Tài <b>ĐINH</b>	2007	2 tuổi	Sát <b>MẬU</b>	2008	3 tuổi	Quan <b>KỶ</b>	2009	4 tuổi	Kiêu <b>CANH</b>	2010	5 tuổi
Án <b>TÂN</b>	2011	6 tuổi	Át <b>NHÂM</b>	2012	7 tuổi	Kiếp <b>QUÝ</b>	2013	8 tuổi	Thực <b>GIÁP</b>	2014	9 tuổi	Thương <b>ẤT</b>	2015	10 tuổi
T.Tài <b>BÍNH</b>	2016	11 tuổi	Tài <b>ĐINH</b>	2017	12 tuổi	Sát <b>MẬU</b>	2018	13 tuổi	Quan <b>KỶ</b>	2019	14 tuổi	Kiêu <b>CANH</b>	2020	15 tuổi
Án <b>TÂN</b>	2021	16 tuổi	Át <b>NHÂM</b>	2022	17 tuổi	Kiếp <b>QUÝ</b>	2023	18 tuổi	Thực <b>GIÁP</b>	2024	19 tuổi	Thương <b>ẤT</b>	2025	20 tuổi
T.Tài <b>BÍNH</b>	2026	21 tuổi	Tài <b>ĐINH</b>	2027	22 tuổi	Sát <b>MẬU</b>	2028	23 tuổi	Quan <b>KỶ</b>	2029	24 tuổi	Kiêu <b>CANH</b>	2030	25 tuổi
Án <b>TÂN</b>	2031	26 tuổi	Át <b>NHÂM</b>	2032	27 tuổi	Kiếp <b>QUÝ</b>	2033	28 tuổi	Thực <b>GIÁP</b>	2034	29 tuổi	Thương <b>ẤT</b>	2035	30 tuổi
T.Tài <b>BÍNH</b>	2036	31 tuổi	Tài <b>ĐINH</b>	2037	32 tuổi	Sát <b>MẬU</b>	2038	33 tuổi	Quan <b>KỶ</b>	2039	34 tuổi	Kiêu <b>CANH</b>	2040	35 tuổi
Án <b>TÂN</b>	2041	36 tuổi	Át <b>NHÂM</b>	2042	37 tuổi	Kiếp <b>QUÝ</b>	2043	38 tuổi	Thực <b>GIÁP</b>	2044	39 tuổi	Thương <b>ẤT</b>	2045	40 tuổi
T.Tài <b>BÍNH</b>	2046	41 tuổi	Tài <b>ĐINH</b>	2047	42 tuổi	Sát <b>MẬU</b>	2048	43 tuổi	Quan <b>KỶ</b>	2049	44 tuổi	Kiêu <b>CANH</b>	2050	45 tuổi
Án <b>TÂN</b>	2051	46 tuổi	Át <b>NHÂM</b>	2052	47 tuổi	Kiếp <b>QUÝ</b>	2053	48 tuổi	Thực <b>GIÁP</b>	2054	49 tuổi	Thương <b>ẤT</b>	2055	50 tuổi

I.I ài <b>BÍNH</b>	2056 <b>TÝ</b>	51 tuổi Thai	I ài <b>ĐINH</b>	2057 <b>SỬU</b>	52 tuổi Mô	7 Sát <b>MÃU</b>	2058 <b>DẦN</b>	53 tuổi T.Sinh	Quan <b>KỶ</b>	2059 <b>MÃO</b>	54 tuổi Bệnh	Kiều <b>CANH</b>	2060 <b>THÌN</b>	55 tuổi Dưỡng
Án <b>TÂN</b>	2061 <b>TÝ</b>	56 tuổi Tử	Tỷ <b>NHÂM</b>	2062 <b>NGỌ</b>	57 tuổi Thai	Kiếp <b>QUÝ</b>	2063 <b>MÙI</b>	58 tuổi Mô	Thực <b>GIÁP</b>	2064 <b>THÂN</b>	59 tuổi Tuyệt	Thương <b>ẤT</b>	2065 <b>DẬU</b>	60 tuổi Tuyệt

Kim    Hỏa    Thủy    Thổ    Mộc    ⚡ Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Em Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Em Xemtuong lá số tử trụ này và luận giải cùng Quý Em những vấn đề mà Quý Em đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Em hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Em không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trụ, bát tự hay tử trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bồi khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Em dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Em nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Em cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Em đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Em mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tử Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Nhâm Thủy** gặp địa chi trụ năm **Tuất Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Nhâm Thủy** gặp địa chi trụ tháng Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Nhâm Thủy** gặp địa chi trụ ngày Thân Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Nhâm Thủy** gặp địa chi trụ giờ **Dần Mộc** được Thông căn Mộ \*.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 6.5/10

### Lệnh Tháng với túr trụ

Can Năm **Bính** sinh tháng **Thân** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Bính** sinh tháng **Thân** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Nhâm** sinh tháng **Thân** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Nhâm** sinh tháng **Thân** tọa ở **Trường Sinh** nên được Lệnh tháng.

**Thai nguyên: Đinh Hợi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức: Đinh Tỵ** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Đinh Hợi và Đinh Tỵ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Túr Trụ

Thai nguyên **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ**, gấp cung mệnh **Ất Mùi** nạp âm là **Kim** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Em được phúc lộc.

Thai nguyên **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ năm **Bính Tuất** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ tháng **Bính Thân** nạp âm là **Hỏa** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ ngày **Nhâm Thân** nạp âm là **Kim** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ**, gấp trụ giờ **Nhâm Dần** nạp âm là **Kim** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù túr trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho túr trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Túr Trụ Thuần Dương

Còn gọi là bát túr thuần dương là dạng túr trụ có cả 4 can trong tất cả các trụ chỉ gồm những loại can dương là: giáp, bính, mậu, canh, nhâm. Dạng túr trụ này ứng với câu nói "động dương bất sinh" nghĩa là chỉ toàn có dương thì không thể sản sinh, phát triển được. Tính cách của người có dạng túr trụ này sẽ rất mạnh mẽ, kiên cường, luôn cảm thấy cô độc, quả giao. Thiên về nam tính, cương trực. Đồng thời cũng có nhân duyên rất thâm sâu với phật gia và đạo gia, cũng yêu thích và hứng thú với thế giới thuật số, tôn giáo, huyền học. Một đặc điểm của dạng túr trụ thuần dương này nữa là sẽ sống trong môi trường làm việc sẽ toàn là đàn ông, cũng giao tiếp, kết thân với đối tượng chủ yếu là nam giới chiếm phần nhiều. Đây cũng là một dạng túr trụ của người đồng tính, số mệnh của dạng túr trụ này cho dù là người có gia đình, thành công trong sự nghiệp thì cũng phải sống cuộc sống khi về già cô độc, cho dù có con cái thì con cái cũng tự xa dời bỏ mẹ để sống riêng, cho dù có vợ hoặc có chồng thì cũng không được sống chung lâu dài, có thể là ly hôn, tan vỡ (do tính cách quá mạnh mẽ, cương cứng nên dễ đỗ vỡ trong hôn nhân) hoặc cũng có thể là do công việc mà vợ chồng thường xuyên đi công tác xa, ít ở nhà với nhau. Đây là một dạng túr trụ điển hình của các thần tu và những doanh nhân siêu giàu, chính trị gia, cán bộ cấp cao trong nhà nước nên luôn phải đi công tác xa nhà, đi lại rất nhiều. Dạng túr trụ này chiếm 1/16 trong tổng số tất túr trụ.

Tổng kết lại thì túr trụ thuần dương này đều có một đặc điểm rất nổi trội đó là nhân duyên với hôn nhân, con cái là rất mỏng nhưng lại có mối kỳ duyên với tôn giáo, thuật số. Đại đa số người đồng tính hiện nay đều có dạng túr trụ dạng nhị thuần này.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Túr Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Bính Tuất** là **HỎA** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Bính** Thân là **Hỏa** khắc Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Nhâm** Thân là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Nhâm Dần** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 6/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Thân Tuất này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Thân Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Nhâm Thân và Nhâm Dần này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Vượng: **Thủy** 35/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Em có Thân **Thủy** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **35/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng như sau mà ở đây **25/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Em là **Thân Vượng Thủy**. Để Quý Em Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng như sau, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng như sau khác nhau, do đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng như sau nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà như sau thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân như sau, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Thủy** thì dụng thần nên là **Thổ** để khắc bớt **Thủy**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

### Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tú Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Em là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Em là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Em là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Em khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Em không chết úng.

### Dụng Thần: **Mộc**

#### Dụng Thần là **Mộc** (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cây giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Em vì **Mộc** là dụng thần của Quý Em. Quý Em có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Em nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Em dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### **Gợi ý chọn dụng thần**

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Em nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Em là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Em là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Em hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Em có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Em, ví dụ chữ dụng thần Quý Em có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Em hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chí (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Em, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Em mưu sự làm ăn.

### **Thiên khắc địa xung**

Trụ Năm Bính Tuất bị Nhâm Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Nhâm Thìn.

Trụ Tháng Bính Thân bị Nhâm Dần thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Nhâm Dần.

Trụ Ngày Nhâm Thân bị Mậu Dần thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Mậu Dần.

Trụ Giờ Nhâm Dần bị Mậu Thân thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Mậu Thân.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Em nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tú trụ, những năm đó rất xấu với Quý Em, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Em hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



**Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:**

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoằn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất ĐẠI	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không

Ngũ hành	Mộc	HỎA	Thổ	Kim	ngừng Thuỷ
----------	-----	-----	-----	-----	---------------

# Bình Giải Chung

## Tổng Quan Người Thuộc Thuỷ

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thuỷ có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân dày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thần mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khàn. Nhìn chung người thuộc Thuỷ mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng. Nhìn chung, người thuộc Thuỷ hợp với phương Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

## Quý Em Người Thuộc Thuỷ Vượng

Người mà Thuỷ vượng có sắc mặt hơi đen, nói năng nhỏ nhẹ, rành mạch, túc trí đa mưu, giàu lòng bác ái và trí tuệ thông minh, học nhanh hơn người. Người mà Thuỷ quá vượng là người tính hay cáu gắt, hay cãi cọ, tính tình thay đổi thất thường. Những người mà Thuỷ quá vượng thường dễ mắc các bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thắt lưng, tử cung, âm hộ...

## Cung Mệnh ở Mùi sao Thiên trạch

Quý Em cuộc đời vất vả, an nghiệp khi xa quê.

## Trụ năm của Quý Em có Thiên Tài

Trụ năm có thiên tài (tài) xa quê làm ăn phát tài. Trường hợp can thiên tài chi có tỷ kiêm thì bố bất lợi hoặc chết nơi đất khách. Trường hợp can chi đều là thiên tài thì tuổi nhỏ làm con nuôi.

## Trụ tháng của Quý Em có Thiên Tài

Trụ tháng thiên tài có giờ kiếp tài (kiếp) thì trước giàu sau nghèo. Trường hợp năm tháng can cùng thiên tài thì bố nắm quyền hai nhà hoặc làm con nuôi. Trường hợp can chi đều thiên tài (tài) thì xa nhà thì làm ăn phát đạt.

## Trụ ngày của Quý Em có Thiên Ân

Trụ ngày gặp thiên ân (kiêu) thì nam không lấy được vợ tốt, nữ thì không lấy được chồng cao sang. Người bạn đời tuy rõ ràng minh bạch nhưng thích sống cô độc. Trường hợp tú trụ lại gặp thực thần thì tuổi nhỏ mẹ ít sửa nuôi. Khi vận gặp thực thần (thực) thì bệnh hoặc nghèo lại gặp hình xung thì dễ gặp khó khăn trắc trở.

## Trụ giờ của Quý Em có Tỷ Kiêm

Trụ giờ có tỷ kiêm (tỉ) thì con cái cương trực, thẳng thắn, hào hoa nghĩa khí. Có con cái nối dõi. Nếu tọa dương nhẫn thì khắc bố. Còn bản thân là người thừa kế, hoặc là con nuôi, hoặc con thừa kế.

## Trụ tháng bị trụ giờ thiên khắc địa xung

Trụ tháng và trụ giờ gặp Thiên khắc địa xung.

## Chi ngày xung chi giờ

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

## Ngày sinh của Quý Em là ngày Thập ác đại bại

Ngày Thập ác đại bại gặp việc hay đắn đo, có trí nhưng khó tiến thoái, chủ về thất bại. Ngày thập ác đại bại nếu gặp sao tài, sao quan ngược lại là phúc. Nên gặp năm can chi và ngày can chi xung khắc lại là gặp cát thần quý nhân giúp.

## Trong tú trụ Quý Em có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

## Tú Trụ của Quý Em có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

## Tú Trụ của Quý Em có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gấp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

### Trụ năm Có Hoa Cái và Không vong

Hoa cái gặp không vong hoặc hình xung phá hoại: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bôn tẩu giang hồ.

### Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Trụ năm Có Hoa Cái và Ân

Hoa cái với sao Ân cùng chi (Ân là hỷ dụng thần) thì tài hoa.

### Tú Trụ của Quý Em có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

### Trụ ngày Dịch mã gặp Đào hoa

Dịch mã gặp Đào hoa: bản thân, phiêu bạt tú xứ chết nơi đất khách.

### Trụ tháng có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

### Trụ ngày có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

### Trụ giờ có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

### Thập ác đại bại (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 160)

Ngày thập ác đại bại là "kho vàng bạc hóa thành đất bụi", nếu gặp cát thần phù trợ, quý khí trợ giúp thì còn tốt, nếu gặp thiên đức, nguyệt đức thì không còn là điều kỳ nữa, hoặc gặp tuế kiến, nguyệt kiến, thái dương điền đầy cũng không còn là kỳ nữa.

### Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nổi tiếng, cuộc đời giàu sang. Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.

Nếu có thiên át quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi thoả, ý chí bị bó buộc.

### Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tú trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỉ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đồ.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuấn mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiêm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiêm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

### Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn

xương túc thực thàn kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gắp được nội tâm phong phú, nữ gắp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muôn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ**

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

**Trụ năm gặp chính án**

Trụ năm Quý Em gặp chính án là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

**Chính án đóng ở hoa cái là cha mẹ thông minh.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Trẻ em gặp tài vượng là khắc cha mẹ.**

**Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.**

**Thiên tài gặp tuần không, vong là đất tử tuyệt túc mẹ mất sớm.**

**Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.**

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử mộ xem như bị khắc

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thăng tài cho nên

không thừa kế nỗi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ và không bị khắc hại, hìn, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hìn, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lệnh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Tì kiếp Quý Em gấp nhiều là anh chị em đồng đúc.

Tì kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Em đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Em đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Tì kiếp Quý Em đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Tì kiếp Quý Em đóng ở trường sinh là anh chị em khỏe mạnh, tuổi thọ cao.

Trụ ngày Quý Em yêu, mà không có tì kiếp thì lấy ấn để tính số lượng anh em.

Tháng và ngày Quý Em tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Lệnh tháng Quý Em gấp xung là anh em mỗi người một phuơng.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Em về hôn nhân như sau.

Quý Em Nam tuổi **Bính Tuất** hợp với Nữ tuổi **Tân Mão - Giáp Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phuơng pháp phối hôn theo cách cổ đại

vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cỗ cũng được, Quý Em có thể tự ý chọn.

Trụ ngày Quý Em tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Nhâm Thân là Kim sinh Thủy.

Vợ chồng Quý Em có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Em có Nhật đóng ở trường sinh thì lấy được vợ đẹp.

Nam gặp tì kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tì kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Em bị mã phục ở dưới ngang vai (anh em) thì vợ chồng lấy nhau không giá thú.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Em người thuần dương thì dễ mất vợ.

Quý Em có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Em là dần thân tị hợi thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Em lấy vượng làm phúc.

Quý Em có Mã nhập cung thê là được người vợ đảm đang.

Quý Em Vận nam hợp với tài là vợ sóm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong Tứ trụ Quý Em có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Em Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Em có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Em có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Em có Trạch mã đóng ở trụ ngày là vợ nhiều bệnh hoặc lười biếng.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Em có tài tàng ẩn

Quý Em có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Em có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Trong trụ Quý Em có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Trụ giờ Quý Em có mã tinh, không bị xung phá là lấy được vợ đẹp, được cửa từ bên ngoài đến, sinh con vinh hiển, tài sản hùng hậu. Đó không phải là của cha mẹ để lại, mà là được từ bên ngoài đưa đến, nên cần kiệm, không nên tiêu phí.

Quý Em Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sủu, người tị, dậu, sủu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Thương quan của ngày, giờ bị tổn thương hết thì sẽ phát tài một cách bất nghĩa.

Quý Em Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Bản thân Quý Em khắc trạch mã là phát của ở nước ngoài.

Quý Em có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Em có 1 Tài ẩn

Kiêu thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Em thân vượng gặp được là phúc.

Quý Em Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tú trụ Quý Em không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Trong trụ Quý Em có thập ác đại bại thì vàng đầy kho cũng thành đát bụi.

## Quan Vận

Thiên Quan Quý Em có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Trên trụ tháng Quý Em có Thất Sát, trên trụ giờ có Thực Thần chế ngự, nhật nguyên mạnh, tất là tướng của các tướng.

Quý Em có Hoa Cái và Ân tinh củng hội, là bậc lương thần như Quản Trọng.

Nhật thời Quý Em có Mã, làm quan thanh quý ( Ngày lộc giờ Mã, hoặc giờ lộc ngày mã, hoặc ngày giờ đều là Mã tinh).

Quý Em có Mã ở trụ giờ, tuổi già được tấn phong chức tước (Nguyệt lệnh Chính Tài cách, không xung khắc, mang vượng)

Thất Sát Quý Em có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Em có Mã tinh hội ở Học Đường, có tài học.

Trụ năm Quý Em có Ân thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập âm lập công danh.

Quý Em Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đói Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Ân Quý Em bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Em có Thiên Ân nhiều, học nhiều thành tựu ít.

## Nghề Nghiệp

Quý Em có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Em có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Mạng Quý Em có Dịch Mã, hợp ngành nghề lưu động hoặc chức vụ ngoại giao.

Quý Em có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Trụ Quý Em có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Em có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Em có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Em Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Em là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thắt sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Em Trong Tứ trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Trên trụ giờ Quý Em gặp quý nhân trạch mã là sinh con hiếu đế.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Em giờ vượng là sinh con trai.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghênh.

Cha có thắt sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thắt sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Em có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Cung con cái Quý Em ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Tú trụ Quý Em thuần dương thì khó có con.

Quý Em có Kiêu gặp trường sinh lại gặp thực thần là đến già vẫn không có con.

Quý Em Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Quý Em Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Can giờ Quý Em khắc can năm, nếu sinh con trai thì không thuận.

Quý Em có Thiên ân đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít.

Quý Em Trụ ngày có sát, kiêu là vợ nhiều đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Em có Tỷ kiên nhiều, cả đời ít ôm đau.

Quý Em Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Em có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Em có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thở gấp, miệng khô khát.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Kim chủ về phổi, bị hỏa xung khắc, tửu sắc thành bệnh.

Ấn là hỏa thổi, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mình mẩy bị ngứa.

Kim gặp vượng thủy, bệnh về gân cốt.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tú trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh.., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấm, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Em hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiên Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trùm sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Em hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trùm sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trùm sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Em có thể nhìn vòng trùm sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bối cục các sao của trụ..., nếu Quý Em chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có Kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	T.Tài	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KY	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Ất	Quý	KỶ	Ất	Đinh	Tân		
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu	Thực		
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy	Mộ		

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Em Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Em Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Em Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Em Trai

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tui, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhau can là con gái, giáp là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tui, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh án, công phá Thân, khắc chế Tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở

thành người ngang ngược, truy lạc...

**3. Án** (Chánh án) là cái sinh ra tội, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên án) là cái sinh phù tội, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túy trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc toàn diện. Thực thần lâm

tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhặt can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gấp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong túc trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu Ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong túc trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thường, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Em đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Em. Quý Em có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Em.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Em Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net